

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Các công bố trước đây về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ có liên quan hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Riêng các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Số thứ tự từ 01 đến 11 tại Mục B Phần I của Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định này thì thời điểm áp dụng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 46 và khoản 3 Điều 47 của Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPCP (Cục KSTTHC);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 871/QĐ-BXD ngày 19 tháng 6 năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính do Trung ương và địa phương giải quyết				
1	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Cục Đường bộ Việt Nam, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Cục Đường bộ Việt Nam, Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
3	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã
4	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Khu quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã
B. Thủ tục hành chính do địa phương giải quyết				
1	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
3	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	
5	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng
6	2.001034	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	
7	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
8	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
9	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	
10	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng
11	1.000321	Đăng ký, ngừng khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
12	1.001666	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
13	1.001692	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
14	1.001725	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	
15	1.001717	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	
16	1.013277	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính do Trung ương và địa phương giải quyết

1. Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư dự án, người quản lý, sử dụng đường cao tốc nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền:

- Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức thẩm định, phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; thẩm định, phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác đường cao tốc đối với: đường cao tốc thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; đường cao tốc do Bộ Xây dựng là cơ quan ký hợp đồng dự án đối tác công tư; đường cao tốc Nhà nước giao doanh nghiệp nhà nước đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác;
- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;
- Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoàn thành việc thẩm định phương án tổ chức giao thông, phương án tổ chức giao thông điều chỉnh, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định phê duyệt. Trường hợp không phê duyệt thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình phê duyệt (bản chính) theo quy định;

- Phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trước khi đưa vào khai thác, phương án điều chỉnh tổ chức giao thông đường cao tốc đang khai thác (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường bộ Việt Nam, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc, phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ trình phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc, phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc;

- Quyết định phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc, phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Phương án tổ chức giao thông phải bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn, hiệu quả.

- Đối với đường cao tốc đã đưa vào khai thác, phương án tổ chức giao thông phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phù hợp với kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác, lưu lượng, tải trọng và các loại phương tiện tham gia giao thông trên tuyến.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Tờ trình phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc, phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

Tên địa phương, ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Đề nghị phê duyệt phương án (hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án) tổ chức giao thông đường cao tốc....

Kính gửi:(Ghi tên cơ quan phê duyệt).

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

..... (chủ đầu tư) trình.....(cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) phê duyệt phương án tổ chức giao thôngcông trình đường cao tốc (hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc) với các nội dung như sau:

I. Thông tin chung về công trình:

1. Tên dự án/công trình: ... (ghi tên dự án xây dựng đối với đường cao tốc trước khi đưa vào khai thác, hoặc tên đường cao tốc đang khai thác đối với trường hợp điều chỉnh phương án tổ chức giao thông).

2. Địa điểm xây dựng:

3. Quy mô tuyến đường: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình)

4. Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư (đối với việc điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc đang khai thác thì ghi cơ quan, tổ chức được giao quản lý tuyến đường cao tốc); số điện thoại ..., địa chỉ: ...

5. Nguồn vốn đầu tư: (đối với việc điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc đang khai thác thì ghi nguồn vốn quản lý, bảo trì tuyến đường)

6. Ngày khởi công/ngày hoàn thành (theo Biên bản nghiệm thu):

7. Các thông tin khác có liên quan

II. Danh mục hồ sơ gửi kèm bao gồm:

1. Hồ sơ phương án tổ chức giao thông ... (ghi rõ phương án tổ chức giao thông đường cao tốc, hoặc phương án tổ chức giao thông điều chỉnh của đường cao tốc đang khai thác);

2. Hồ sơ tài liệu kèm theo theo quy định tại Điều ... Nghị định số/2024/NĐ-CP.

.... (*chủ đầu tư*) trình ... (*ghi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt*) xem xét, phê duyệt Phương án tổ chức giao thông (*tên đường cao tốc*) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu Quyết định phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc, phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc

**CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-....

Tên địa phương, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án tổ chức giao thông để đưa vào khai thác Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc ... (hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc đang khai thác)

... (Ghi tên cơ quan duyệt) ...

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ (ghi văn bản của cấp có thẩm quyền) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (ghi cơ quan phê duyệt);

(Ghi bổ sung căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật nếu thấy cần thiết...);

Ghi căn cứ các quyết định phê duyệt dự án, thiết kế đối với dự án trước khi đưa vào khai thác hoặc quyết định duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc đang khai thác và các văn bản, quyết định cá biệt khác liên quan;

Xét đề nghị của... về việc phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa Dự án vào khai thác sử dụng (hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc);

Theo đề nghị của....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này phương án tổ chức giao thông.....
2. Yêu cầu đối với việc chỉnh sửa, hoàn chỉnh, nộp, lưu trữ, bảo quản phương án tổ chức giao thông (nếu cần thiết).
3. Căn cứ phương án tổ chức giao thông được duyệt và các yêu cầu chỉnh sửa tại khoản 2 Điều này, yêu cầu ... sử dụng để thực hiện việc tổ chức giao thông đối với dự án/tuyến đường cao tốc; điều chỉnh, bổ sung công trình an toàn giao thông; báo hiệu đường bộ theo phương án tổ chức giao thông được duyệt tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thời gian thực hiện từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến khi hoàn thành công tác nghiệm thu công trình xây dựng, bàn giao, tiếp nhận Dự án và được điều chỉnh hoặc thay thế.

2. Trong thời gian vận hành khai thác theo quyết định này, các cơ quan đơn vị có trách nhiệm:

- a) Đối với chủ đầu tư....:
- b) Đối với người quản lý, sử dụng đường bộ....:
- c) Đối với tư vấn lập phương án tổ chức giao thông ...:
- d) Đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân khác.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

Nơi nhận:

- ...
- ...
- Lưu: VT.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2. Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền:

- Đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP và thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng:

+ Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện đối với đường bộ cao tốc, hầm đường bộ, công trình hạ tầng đi qua địa bàn hai tỉnh trở lên, công trình hạ tầng lắp đặt vào cầu phải bổ sung kết cấu gia cố, khi cần đào, khoan, cắt, xẻ quốc lộ cấp III trở lên, công trình hạ tầng theo đề nghị của cơ quan quân sự, cơ quan công an, trừ trường hợp chấp thuận xây dựng, gia cường đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác;

+ Khu Quản lý đường bộ thực hiện đối với các trường hợp còn lại thuộc phạm vi quản lý.

- Sở Xây dựng thực hiện đối với các trường hợp: quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ và quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP; đường bộ tại đô thị, đường khác thuộc phạm vi được giao quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

- Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức giao thông biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong

phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác; chấp thuận xây dựng, gia cường đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Hồ sơ chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, bao gồm:*

- Đơn đề nghị (bản chính) theo quy định.

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) Thuyết minh thiết kế, vị trí xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Đối với công trình lắp đặt vào cầu, hầm, công trình, hạng mục công trình đường bộ thuộc kết cấu chịu lực, phải có kết quả tính toán bảo đảm khả năng chịu lực của kết cấu đối với tải trọng, tác động của gió khi lắp đặt các công trình này vào công trình đường bộ.

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các bản vẽ thiết kế, bao gồm bản vẽ bố trí chung, các bản vẽ mặt cắt đứng, mặt cắt ngang và các bản vẽ thiết kế chi tiết thể hiện cụ thể: quy mô, kích thước, diện tích, cấu tạo chi tiết của công trình đề nghị chấp thuận; vị trí công trình đề nghị trên đoạn đường; khoảng cách từ mép ngoài công trình đề nghị đến mép ngoài mặt đường, tim đường, chiều sâu công trình đến mặt đường và các khoảng cách khác đến các hạng mục công trình cầu, cống, hầm có liên quan đến công trình đề nghị.

Đối với biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung xây dựng, lắp đặt trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, phải có thông tin về khoảng cách từ biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị và các công trình đến: bề mặt dải phân cách giữa, mép dải phân cách giữa.

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các bản vẽ thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng.

- Đối với biển quảng cáo được xây dựng, lắp đặt trong hành lang an toàn đường bộ thì phải có bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) phương án thi công để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình đường bộ và công trình liền kề.

** Đối với việc thi công xây dựng đường dây tải điện, dây dẫn điện điện áp từ 35 kV trở xuống, đường dây thông tin, viễn thông, gia cường công trình đường bộ (khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ), trừ các trường hợp không phải cấp giấy phép thi công theo quy định*

tại khoản 3 Điều 32 Luật Đường bộ, thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng, gia cường được thực hiện đồng thời với hồ sơ cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

- Đơn đề nghị (bản chính) chấp thuận đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác theo quy định.

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) Thuyết minh thiết kế, vị trí xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Đối với công trình lắp đặt vào cầu, hầm, công trình, hạng mục công trình đường bộ thuộc kết cấu chịu lực, phải có kết quả tính toán bảo đảm khả năng chịu lực của kết cấu đối với tải trọng, tác động của gió khi lắp đặt các công trình này vào công trình đường bộ.

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các bản vẽ thiết kế, bao gồm bản vẽ bố trí chung, các bản vẽ mặt cắt đứng, mặt cắt ngang và các bản vẽ thiết kế chi tiết thể hiện cụ thể: quy mô, kích thước, diện tích, cấu tạo chi tiết của công trình đề nghị chấp thuận; vị trí công trình đề nghị trên đoạn đường; khoảng cách từ mép ngoài công trình đề nghị đến mép ngoài mặt đường, tim đường, chiều sâu công trình đến mặt đường và các khoảng cách khác đến các hạng mục công trình cầu, cống, hầm có liên quan đến công trình đề nghị.

Đối với biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung xây dựng, lắp đặt trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, phải có thông tin về khoảng cách từ biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị và các công trình đến: bề mặt dải phân cách giữa, mép dải phân cách giữa.

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các bản vẽ thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng.

- Biện pháp thi công, phương án tổ chức giao thông.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường bộ Việt Nam, Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị;
- Văn bản chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;
- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

2.8. Phí, lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;
- Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác;
- Văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị;
- Văn bản chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;
- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CHẤP THUẬN VỊ TRÍ, QUY MÔ, KÍCH THƯỚC BIỂN QUẢNG CÁO, BIỂN THÔNG TIN CỔ ĐỘNG, TUYÊN TRUYỀN CHÍNH TRỊ; XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG; XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Về đề nghị chấp thuận (...3...)

Kính gửi (4)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ (...5...).

(...2....) đề nghị được chấp thuận (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của (.....7.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Hồ sơ thiết kế của (...8...);

- (...9...).

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo (6) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo.

Địa chỉ liên hệ:.....Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:

(...2...)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị:

- (1) Tên tổ chức cấp trên nếu có của đơn vị có đơn đề nghị.
- (2) Tên tổ chức có đơn đề nghị chấp thuận.
- (3) Ghi vắn tắt nội dung và công trình đề nghị, đoạn tuyến đường đề nghị, địa bàn (nếu cần). Ví dụ: Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của quốc lộ 5, đoạn từ Km 30 đến Km 35, địa phận thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ được quy định tại Nghị định này.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình của cấp có thẩm quyền.
- (6) Ghi tên công trình: biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.
- (7) Ghi vị trí, đoạn và tên đường, công trình đường bộ có đề nghị xây dựng, lắp đặt công trình biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.
- (8) Ghi tên hồ sơ thiết kế công trình đang đề nghị xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Mẫu Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CHẤP THUẬN XÂY DỰNG, CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ, GIA CƯỜNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ ĐỒNG THỜI VỚI CẤP GIẤY PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC

Về đề nghị chấp thuận (3)

Kính gửi(4)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ (...5...).

....(2) đề nghị (4) chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng (hoặc đề nghị gia cường công trình đường bộ)(6) đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ ... (7)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Hồ sơ thiết kế của... (ghi tên hồ sơ thiết kế công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung hoặc hồ sơ thiết kế gia cường công trình đường bộ);

-(8).

.... (2) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình ... (6) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo.

Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu

(....2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng đồng thời với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ:

- (1) Tên tổ chức cấp trên nếu có của đơn vị có đơn đề nghị.
- (2) Tên tổ chức ký đơn đề nghị chấp thuận xây dựng đồng thời với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình.
- (3) Ghi vắn tắt nội dung đề nghị, đoạn tuyến đường đề nghị. Ví dụ: Chấp thuận xây dựng đồng thời với cấp giấy phép thi công xây dựng đường dây tải điện 22 kV trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của quốc lộ 1 đoạn Km 60 đến Km 70, địa phận tỉnh Lạng Sơn.
- (4) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận xây dựng đồng thời với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ được quy định tại Nghị định này.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình của cấp có thẩm quyền.
- (6) Ghi tên công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung hoặc ghi đoạn đường, cầu, cống hoặc công trình đường bộ đề nghị gia cường...
- (7) Ghi đoạn đường, lý trình, tên tuyến đường.
- (8) Các tài liệu khác có liên quan.

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu văn bản chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN CHẤP
THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng ... năm

Kính gửi:(ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị).

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Sau khi xem xét văn bản số:...../.....ngày...../...../...của....đề nghị chấp thuận về.... (ghi rõ mục đích đề nghị chấp thuận của tổ chức, cá nhân), kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận quy định tại điểm, khoản Điều ... của Nghị định, (ghi tên cơ quan chấp thuận), chấp thuận các nội dung sau:

1. Chấp thuận đề nghị của.... (ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị) về việc xây dựng, lắp đặt.... (ghi tên công trình được chấp thuận) với các nội dung sau:

- Về vị trí xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng: ghi rõ vị trí trên mặt cắt ngang đường bộ, trong đoạn hoặc tại điểm Km...., đường.... do cơ quan... đang quản lý, khai thác;

- Về quy mô công trình hạ tầng kỹ thuật:.... (ghi quy mô, kết cấu chủ yếu, khung, móng và các thông tin khác...); kích thước công trình hạ tầng và các thông tin cần thiết khác;

- Biện pháp gia cố kết cấu hạ tầng đường bộ; biện pháp hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng...;

- Yêu cầu thực hiện cam kết, yêu cầu bảo hành công trình hoàn trả và các yêu cầu khác;

- Các lưu ý trong bước cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

2. Thời gian có hiệu lực của văn bản chấp thuận kể từ ngày ký đến ngày...

3.(các nội dung khác nếu cần thiết)

Nơi nhận:

-
- Lưu VT.

(Tên cơ quan chấp thuận)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Mang giấy này đến đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng hiện trường, tổ chức, cá nhân thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu tổ chức, cá nhân thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) tổ chức, cá nhân thi công tự chịu trách nhiệm, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của tổ chức, cá nhân thi công gây ra khi thi công trên đường bộ;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng, hiện trường cho đơn vị quản lý đường bộ; đối với trường hợp gia cường công trình đường bộ, phải tổ chức nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác;

-(các nội dung khác nếu cần thiết).....

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày ../.../20...đến ngày...../..../20....

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT...

(.....2.....)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi:

(1): Tên dự án, công trình hạ tầng.

(2): Tên cơ quan chấp thuận xây dựng, gia cường đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác (Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng).

(3): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị.

(4): Tên chủ đầu tư.

3. Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền:

- Khu Quản lý đường bộ thực hiện đối với quốc lộ được giao quản lý, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng;
- Sở Xây dựng thực hiện đối với đường, vỉa hè trong đô thị được giao quản lý;
- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường được giao quản lý, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;
- Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong ngày tiếp nhận hồ sơ đối với đám tang và trong phạm vi 02 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;
- Trong thời hạn không quá 01 ngày đối với đám tang, không quá 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành kiểm tra nếu đủ điều kiện thì có văn bản cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác. Trường hợp không cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác (bản chính) theo mẫu;
- Phương án sử dụng tạm thời lòng đường vỉa hè vào mục đích khác, phương án tổ chức giao thông (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

01 ngày đối với đám tang, không quá 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè phố vào mục đích khác.

3.8. Phí, lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Văn bản đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác;
- Giấy phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè phố vào mục đích khác.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu văn bản đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....(3)

....., ngày tháng ... năm

Kính gửi: (...4...)

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

.... (Tên cơ quan, đơn vị, cá nhân) đề nghị được cấp phép sử dụng tạm thời (ghi tên và phạm vi đoạn đường bộ hoặc lòng đường, vỉa hè) thuộc tuyến đường ... (ghi tên đường) trên địa bàn ... (ghi tên xã/phường..., huyện, quận....., tỉnh, thành phố) sử dụng để ... (ghi tên mục đích thực hiện). Thời gian sử dụng bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến ... ngày .. tháng ... năm ...

Đơn vị, cá nhân tổ chức (ghi tên sự kiện) xin cam kết chịu trách nhiệm về kinh phí và tổ chức thực hiện các nội dung sau:

1. Chỉ tổ chức sự kiện trên đường sau khi đã được cấp phép sử dụng tạm thời (ghi đoạn đường, vị trí) đường bộ, hè phố, lòng đường vào mục đích ... (ghi rõ mục đích đề nghị sử dụng lòng đường, vỉa hè).

2. Thực hiện đúng phương án tổ chức giao thông đoạn đường bộ thực hiện các sự kiện trên đã được cấp phép. Trường hợp không bảo đảm trật tự, an toàn giao thông khi tổ chức các sự kiện, phải lập phương án phân luồng giao thông cho một số hoặc toàn bộ người, phương tiện tham gia giao thông đi theo tuyến đường khác.

3. Trong thời gian tổ chức sự kiện phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo phương án được cấp phép; xử lý kịp thời các tình huống phát sinh bảo đảm cho người, phương tiện tham gia các sự kiện và người, phương tiện tham gia giao thông.

4. Thực hiện các biện pháp, công việc để bảo đảm an toàn cháy, nổ, an toàn công trình, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về phòng, chống cháy, nổ, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

5. Thu dọn toàn bộ vật tư, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, công trình tạm phục vụ tổ chức sự kiện; quét, thu gom rác, rửa đường và hoàn trả hiện trạng đường bộ, hè phố, mặt đường khi kết thúc tổ chức sự kiện.

6. Thời gian tổ chức sự kiện phù hợp với thời gian cấp phép sử dụng tạm thời đường bộ, hè phố, một phần mặt đường đô thị.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT.

(...2...)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong văn bản đề nghị:

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.
- (3) Ghi tên sự kiện, địa điểm đề nghị sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.
- (4) Tên cơ quan cấp phép thi công tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.

Mẫu giấy phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè phố vào mục đích khác

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN CHẤP
THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

GIẤY PHÉP

Cấp cho (ghi rõ tổ chức, cá nhân) được sử dụng tạm thời... (ghi rõ lòng đường hoặc vỉa hè đoạn đường bộ ...) vào mục đích ... (ghi rõ mục đích cho phép sử dụng lòng đường và/hoặc vỉa hè vào mục đích gì)

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ....;

Căn cứ văn bản số:/..... ngày...../...../...của đề nghị cho phép sử dụng tạm thời để tổ chức (ghi tên sự kiện), kèm phương án tổ chức giao thông, (ghi tên cơ quan chấp thuận), chấp thuận các nội dung sau:

1. Cấp phép cho (ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị) được sử dụng tạm thời (đoạn đường phố, đoạn vỉa hè (bên phải tuyến phố, hoặc bên trái tuyến phố), một phần/hoặc cả mặt đường đoạn phố từ ... đến ...) để thực hiện (ghi tên sự kiện).

2. Thời gian sử dụng từ ... (ghi ngày, giờ, tháng, năm) đến ...(ngày, giờ, tháng, năm).

3.(Ghi tên người đề nghị) có trách nhiệm thực hiện đúng các cam kết:

a) Chỉ thực hiệntrên đường, vỉa hè sau khi đã được cấp phép sử dụng tạm thời đường bộ, hè phố, lòng đường vào mục đích ... ;

b) Thực hiện đúng phương án tổ chức giao thông đoạn đường bộ thực hiện các sự kiện. Trường hợp không bảo đảm trật tự, an toàn giao thông khi tổ chức các sự kiện, phải lập phương án phân luồng giao thông cho một số hoặc toàn bộ người, phương tiện tham gia giao thông đi theo tuyến đường khác;

c) Trong thời gian tổ chức sự kiện phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo phương án được chấp thuận; xử lý kịp thời các tình huống phát sinh bảo đảm cho người, phương tiện tham gia các sự kiện và người, phương tiện tham gia giao thông;

d) Thực hiện các biện pháp, công việc để bảo đảm an toàn cháy, nổ, an toàn công trình, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về phòng, chống cháy, nổ, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

đ) Thu dọn toàn bộ vật tư, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, công trình tạm phục vụ tổ chức sự kiện; quét, thu gom rác, rửa đường và hoàn trả hiện trạng đường bộ, hè phố, mặt đường khi kết thúc tổ chức sự kiện;

e) Thời gian tổ chức sự kiện phù hợp với thời gian được cấp phép sử dụng tạm thời đường bộ, hè phố, một phần mặt đường đô thị.

4.(các nội dung khác nếu cần thiết).....

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân được cấp phép;
- Cơ quan công an phụ trách tuyến đường;
- UBND cấp xã, phường, thị trấn nơi có tuyến đường đi qua;
- Người quản lý, sử dụng đường bộ;
-
- Lưu: VT.

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

4. Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đấu nối tạm thời nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền:

- Khu quản lý đường bộ đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ;
- Sở Xây dựng đối với quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ và quốc lộ quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP; đường tỉnh và đường khác được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao quản lý;
- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;
- Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận nút giao đấu nối tạm. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Văn bản đề nghị theo quy định;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư (đối với trường hợp chủ đầu tư dự án đề nghị đấu nối tạm); hợp đồng thi công xây dựng dự án đối với trường hợp nhà thầu đề nghị đấu nối tạm;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nút giao đấu nối tạm; phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối tạm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Khu quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Khu quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản chấp thuận vị trí nút giao đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác.

4.8. Phí, lệ phí: Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác;
- Văn bản chấp thuận vị trí nút giao đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đầu nối tạm thời vào quốc lộ, đường địa phương đang khai thác được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Làm đường công vụ phục vụ vận chuyển, khai thác vật liệu và vận chuyển thiết bị thi công xây dựng công trình; thời hạn đầu nối tạm không quá thời gian thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng;
- Phục vụ các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình đề điều.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Tên địa phương, ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VỊ TRÍ NÚT GIAO ĐẦU NỐI TẠM VÀO ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC**Về việc đề nghị đầu nối tạm từ vào đường ... (...3...)**

Kính gửi:(4).

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;**Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;*

..... (ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị) đề nghị được đầu nối tạm vào vị trí (ghi rõ lý trình, vị trí, bên phải hoặc bên trái) đường (ghi tên đường), thuộc địa bàn để... (ghi rõ mục đích việc đầu nối tạm). Thời gian đề nghị đầu nối tạm từ ... đến ... (ghi ngày, tháng, năm); (ghi tổ chức, cá nhân làm đơn) cam kết trong quá trình thực hiện sẽ tuân thủ quy định của Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn đường bộ và các văn bản quy phạm pháp luật về đường bộ, trật tự, an toàn giao thông đường bộ, quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian đầu nối tạm, đóng điểm đầu nối tạm khi hết thời hạn và các cam kết ... (... ghi rõ các cam kết khác như không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo); đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đầu nối tạm vào đường ... thực hiện theo văn bản chấp thuận.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Các tài liệu theo quy định tại Điều Nghị định số...

- Hồ sơ thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông).

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

Địa chỉ liên hệ:Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu: VT.

(....2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu văn bản chấp thuận vị trí nút giao đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm

V/v chấp thuận vị trí nút giao
đầu nối tạm vào vị trí Km....
phía bên (phải hoặc trái)
đường XXX đang khai thác

Kính gửi: (4)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Sau khi xem xét đơn của ... ngày ... tháng ... năm ... về việc đề nghị vị trí đầu nối tạm trong thời hạn ... vào vị trí km ..., phía ... (bên phải/bên trái) đường quốc lộ, tỉnh lộ ... do cơ quan ... đang quản lý, khai thác;

..... (ghi tên Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận) chấp thuận đầu nối tạm có thời hạn ... vào vị trí (ghi vị trí) bên ... (ghi bên phải hay bên trái) đường ...(ghi tên đường) do ... (ghi tên cơ quan) đang quản lý, khai thác với các nội dung như sau:

1. Chấp thuận vị trí đầu nối tạm thời vào .., phía bên ... của tuyến đường ...
2. Mục đích đầu nối tạm
3. Thời hạn đầu nối tạm
4. Hết thời hạn đầu nối tạm,.... (ghi cơ quan, tổ chức đề nghị đầu nối tạm) có trách nhiệm:

a) Đóng điểm đầu nối tạm;

b) Hoàn trả lại kết cấu hạ tầng đường bộ, công trình an toàn giao thông, các công trình báo hiệu đường bộ bị ảnh hưởng do thực hiện đầu nối tạm, khai thác đầu nối tạm trong thời hạn đầu nối tạm;

c) Thực hiện các quy định khác của pháp luật về đường bộ.

5. Các nội dung phương án tổ chức giao thông, điều chỉnh giao thông trong thời gian đầu nối tạm bao gồm:

a) Các nội dung chủ yếu ...;

b) Các nội dung khác theo phương án tổ chức giao thông của ... (ghi tổ chức, cá nhân đề nghị đầu nối tạm) và các yêu cầu khác;

c) Các yêu cầu đối với việc sửa đổi, bổ sung phương án tổ chức giao thông trước khi thi công.

6. Các nội dung, yêu cầu khác (nếu có) đối với việc thiết kế, thi công và khai thác, sử dụng nút giao đầu nối tạm.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT.

(...2...)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

B. Thủ tục hành chính do địa phương giải quyết

1. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN. Trường hợp không cấp, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính.

1.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.

1.8. Phí, lệ phí: không có.

1.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN;
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN được cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải của Việt Nam thực hiện hoạt động vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng, bị mất.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: Ngày cấp:

5. Đề nghị (cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô hoặc vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:** Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.

Mẫu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
PEOPLE'S COMMITTEE OF ... PROVINCE
SỞ XÂY DỰNG
DEPARTMENT OF CONSTRUCTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN

ASEAN CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit No.):

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):

.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Hanoi, (dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Issuing Authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature & Official Stamp)

2. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp Giấy phép liên vận ASEAN. Trường hợp không cấp, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

2.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp mới; cấp lại khi Giấy phép liên vận ASEAN hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu:*

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).

** Trường hợp cấp lại khi Giấy phép liên vận ASEAN bị hư hỏng, bị mất:*

Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép liên vận ASEAN.

2.8. Phí, lệ phí: không có.

2.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN;
- Giấy phép liên vận ASEAN.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận ASEAN được cấp cho các phương tiện thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.
- Giấy phép liên vận ASEAN được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN số: Ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận ASEAN cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
...										

Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:.....đi.....và ngược lại.

Bến đi: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....Việt Nam).

Bến đến: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....).

Cự ly vận chuyển:.....km.

Hành trình tuyến đường:

..., ngày...tháng...năm ...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:** Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.

Mẫu Giấy phép liên vận ASEAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN

**ASEAN VEHICLE
CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này
đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to
render the vehicle any assistance
as necessary

Mặt sau bìa trước/Back side

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam**

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN

**ASEAN VEHICLE
CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

Số (Permit No.).....

Cấp cho (Issued to):

☐ Phương tiện thương mại (Commercial vehicle)

☐ Phương tiện phi thương mại (Non-Commercial vehicle)

**Trang 1
Page 1**

Số đăng ký phương tiện (Vehicle registration Number)
.....

Ký hiệu nhận biết (Distinguishing Sign)
VN

**Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải
Details of Transport Operator**

Tên đơn vị (Transport Operator Name):
.....

Địa chỉ (Address):
.....

Số điện thoại (Telephone number):.....Số Fax/
Địa chỉ email (Fax number/Email address):.....

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):
.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN (ASEAN Cross-Border
Transport Permit
No.):.....

Ngày phát hành (Issuing date):

**Trang 2
Page 2**

**GHI CHÚ
NOTICES**

**Giấy phép này có giá trị
This permit is valid**

Từ ngày (From):

.....(dd/mm/yyyy)

Đến ngày (Until):

.....(dd/mm/yyyy)

**Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes,
Destination**

Cửa khẩu (Border gate):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

**Vùng/tuyến hoạt động (Operation
areas/routes):**

.....
.....
.....
.....

Nơi đến (Destination):

.....
.....
.....
.....

Ngày cấp (Date of issuance):

.....
.....

**Issuing Authority
(Signature & Stamp)**

**Trang 3
Page 3**

**GHI CHÚ
NOTICES**

**Giấy phép này được gia hạn
This permit is extended**

Đến ngày (Until):

.....(dd/mm/yyyy)

**Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes,
Destination**

Cửa khẩu (Border gate):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

**Vùng/tuyến hoạt động (Operation
areas/routes):**

.....
.....
.....
.....
.....

Nơi đến (Destination):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngày cấp (Date of issuance):

.....

**Issuing Authority
(Signature & Stamp)**

**Trang 4
Page 4**

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point):.... -Cửa khẩu ra (Exit point):..... -Tuyến đường (Route):.....			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point):.... -Cửa khẩu ra (Exit point):..... -Tuyến đường (Route):.....			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point):..... -Cửa khẩu ra (Exit point):... -Tuyến đường (Route):.....			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point):..... -Cửa khẩu ra (Exit point):..... -Tuyến đường (Route):.....			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):.... ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point):.... -Cửa khẩu ra (Exit point):..... -Tuyến đường (Route):..... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal
-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):.... ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point):.... -Cửa khẩu ra (Exit point):..... -Tuyến đường (Route):..... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point):..... -Cửa khẩu ra (Exit point):..... -Tuyến đường (Route):..... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal
-Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) -Cửa khẩu vào (Entry point):... -Cửa khẩu ra (Exit point):..... -Tuyến đường (Route):..... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal

Hướng dẫn(Instruction)

1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 50 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm
Page size: 105 mm x 150 mm

Bìa màu cam dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.
Orange cover used for all vehicles.

Mẫu phù hiệu phương tiện vận tải qua biên giới ASEAN

Kích cỡ và kích thước của Phù hiệu:

Đường kính ngang: ± 11.5 cm

Đường kính dọc: ± 11.8 cm

Nền phù hiệu: Màu cam



The sticker is circular with an orange background and a blue border. It contains the following elements:

- Top Left:** A red square with a yellow five-pointed star (Flag of Vietnam).
- Top Center:** The text "QR code (nếu có)" (QR code if any).
- Top Right:** The ASEAN logo, which is a red circle containing a yellow stylized flower-like shape with the word "asean" in blue below it.
- Center:** The text "PHÙ HIỆU PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI QUA BIÊN GIỚI ASEAN" and "ASEAN VEHICLE CROSS-BORDER PERMIT STICKER" in bold black capital letters.
- Bottom Section:** A series of fields for information:
 - Ngày hết hạn (Date of expiry):.....
 - (ngày/tháng/năm) (DD/MM/YYYY)
 - Số giấy phép (Permit No.):
 - Biển số xe (Vehicle plate No.):
 - Số khung xe (Chassis No.):
 - Tổng trọng lượng xe (Gross vehicle weight):Tấn (T)
 - Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):
 -
 - Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền (đóng dấu)
 - Issuing Authority (Official stamp)

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

3. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS theo Mẫu. Trường hợp không cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

3.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

3.8. Phí, lệ phí: không có.

3.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS được cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải của Việt Nam thực hiện hoạt động vận tải đường bộ quốc tế GMS.
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng, bị mất.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: Ngày cấp:
5. Đề nghị (cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô hoặc vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

..., ngày ... tháng ... năm ...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:** Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.

Mẫu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
PEOPLE'S COMMITTEE OF ... PROVINCE
SỞ XÂY DỰNG
DEPARTMENT OF CONSTRUCTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS

GMS ROAD TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit No.):

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):

.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Hanoi,(dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Issuing Authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature & Stamp)

4. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp Giấy phép liên vận GMS theo Mẫu hoặc sổ TAD theo Mẫu. Trường hợp không cấp, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

4.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp mới; cấp lại khi Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu:*

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD theo mẫu;
- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).

** Trường hợp cấp lại khi Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD bị hư hỏng, bị mất:*

Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD.

4.8. Phí, lệ phí: không có.

4.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD theo mẫu.
- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD được cấp cho các phương tiện thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.
- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GSM/sổ TAD

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GSM/SỔ TAD**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GSM số: Ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận GSM/sổ TAD cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
...										

Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:.....đi.....và ngược lại.

Bến đi: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....Việt Nam).

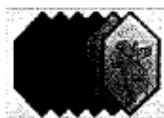
Bến đến: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....).

Cự ly vận chuyển:.....km.

Hành trình tuyến đường:

..., ngày... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy phép liên vận GMS¹



National Transport Facilitation Committee
Viet Nam

GMS Road Transport Permit¹

This document is issued in accordance with Protocol 3 and Article 23 of the Agreement between and among the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Republic of China, the Laos People's Democratic Republic, the Union of Myanmar, the Kingdom of Thailand, and the Socialist Republic of Viet Nam for Facilitation of Cross - Border Transport of Goods and Passengers.

Permit No.	Distinguishing Nationality Sign	Permit number	Optional Barcode
------------	------------------------------------	---------------	------------------

Type of Permit/Transport Operation²:

- ☐ Scheduled passenger transport
☐ Non-Scheduled passenger transport
☐ Cargo transport

1. Issuing Authority:

1.1. Name:

1.2. Address:

1.3. Contact Data³:

2. Beneficiary of the Permit⁴:

2.1. Name:

2.2. Address:

2.3. Contact Data:

2.4. Road Transport Operator's National License Number:⁵

3. Particulars for Scheduled Passenger Transport Operations Only:

3.1. Itinerary:

3.2. Frequency of operations for the beneficiary:

3.3. Maximum Capacity (number of seats/persons):

3.4. Other Restrictions:⁶

4. Period of Validity: from.....until.....⁷

¹ Giấy phép liên vận GMS được ban hành theo Nghị định thư III và Điều 23 của Hiệp định giữa chính phủ Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Liên minh Myanmar, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và hành khách qua biên giới. Mẫu giấy phép liên vận GMS chỉ sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

5. Allocated Vehicle Registration Number⁸:

Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer		Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer	
1		5	
2		6	
3		7	
4		8	

Place and date of Issuance:Authentication (Seal/Stamp, Signature):

1. Warning: Counterfeiting is a criminal offence. This permit entitles its holder to perform cross-border road transport operations in the GMS region, subject to compliance with national laws of the Host Country, and the other conditions of the Agreement. The transport operator shall keep the original of this permit on board the vehicle at all times during cross-border transport operations for inspection and control purposes by authorities. This permit shall be valid only for the vehicle of which the registration number is entered on the permit form. Except for scheduled passenger transport operations, the Itineraries are restricted to the exit/entry point, routes, and corridors defined in Protocol 1 to the Agreement.

2. Please tick the type of transport operation.

3. Contact data may include: telephone number, fax number, email address, etc.

4. This permit is nominative and non-negotiable and non-transferable.

5. The validity of this permit shall be subject to the validity of the holder's transport operator license.

6. Other restrictions on this type of transport operations flowing from the arrangements on terms and conditions by the Country whose territory is traversed as per Article 5(e) of Protocol 3 to the Agreement.

7. Provided the permit was used before the expiry of its validity date by entering the territory of another GMS country than that of its holder transport operator, it shall remain valid until the completion of the transport operation by the return of the vehicle to its Home Country. A cross - border transport operation shall be completed by the exit of the vehicle from the Host Country territory within a period of 30 days from the date of entry in the Host Country territory. If the transport operator is unable to timely leave the Host Country territory, he/she shall inform the Host Country Competent Authority and may be required to file a request for extension.

8. Type of vehicle should be entered. Only the number(s) entered in the last box prevail(s). If the form has become full within its validity period, the issuing authority shall upon a simple request from its holder forthwith replace the original form.

Mẫu Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải (Sổ TAD)

Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại
biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion Cross-Border Transport Facilitation Agreement



Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải

Motor Vehicle Temporary Admission Document

SPECIMEN

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại
biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion Cross-Border Transport Facilitation Agreement



Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải

Motor Vehicle Temporary Admission Document

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Giao thông vận tải
Ministry of Transport

Số Sổ TAD No. _____

Số Giấy phép vận tải đường bộ GMS:

GMS Road Transport Permit No. _____

Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải Tiểu vùng Mê Kông mở rộng Greater Mekong Subregion Motor Vehicle Temporary Admission Document (TAD)

Phương tiện Type of Vehicle:

- ☐ Phương tiện vận tải hành khách Passenger Transport Vehicle
☐ Phương tiện vận tải hàng hoá Goods Transport Vehicle

Số đăng ký xe/Năm sản xuất

Vehicle Registration Number/Year of Production

Số đăng ký Sơ-mi rơ moóc (dùng với Phương tiện chính)

Semi-Trailer Registration Numbers (For Use With The Main Vehicle)

1.	2.	3.
4.	5.	6.

Ký hiệu phân biệt Distinguishing Sign



Đặc điểm phương tiện Particulars of the Vehicle

1. Thông số kỹ thuật Technical Data

Loại phương tiện Vehicle Category _____

Nhãn hiệu Brand _____

Model Model _____

Màu sắc Colour _____

Vị trí Tay lái Steering Wheel ☐ Trái Left ☐ Phải Right

Số máy Engine No. _____

Số khung Chassis No. _____

Kích thước Dimensions

Rộng _____ mm, Dài _____ mm, Cao _____ mm

Width _____ mm, Length _____ mm, Height _____ mm

Số chỗ ngồi Number of Seats _____

Khối lượng toàn bộ tối đa Maximum Gross Weight _____

Khối lượng bản thân Net Weight _____

Giá trị phương tiện (bằng nội tệ tại thời điểm cấp tờ khai)
Vehicle Value (in Local Currency at Time of TAD Issuance) _____

3

2. Phụ tùng và thiết bị bổ sung (nếu có) * Additional Articles and Equipment (if Any)*

☐ Phụ tùng Spare Parts

☐ Vật tư bảo dưỡng Maintenance Supplies

☐ Phụ kiện khác Others

* Theo số lượng phù hợp. Đánh dấu vào ô.
In reasonable quantities. Please tick.

3. Dữ liệu bổ sung Additional Data

Tên Doanh nghiệp/chủ sở hữu phương tiện

Name of Company/Vehicle Owner _____

Số điện thoại di động Mobile Phone _____

Địa chỉ: Address: _____

Đường/phố Street _____

Thành phố City _____

Quận/huyện County (District) _____

Tỉnh Province _____

4

4. Có giá trị đến

Valid Until _____

Cấp tại _____ Ngày _____

Done At _____ Date _____

Chữ ký và dấu của cơ quan cấp phép
Signature and Seal of Issuing Authority

**Gia hạn thời gian lưu hành
Extension of Validity**

Có giá trị đến

Valid Until _____

Cấp tại _____ Ngày _____

Done At _____ Date _____

Chữ ký và dấu của cơ quan gia hạn
Signature and Seal of Issuing Authority

6

Giới thiệu Introduction

1. Theo Điều 18 và Phụ lục 8 của Hiệp định GMS CBTA (gọi tắt là "Hiệp định"), Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải này (TAD) cho phép phương tiện đã đăng ký được hoạt động vận tải qua biên giới dọc theo các hành lang, tuyến đường và các điểm nhập/xuất cảnh được quy định tại Nghị định thư số 1 của Hiệp định.;

In accordance with Article 18 and Annex 8 of the GMS CBTA (the "Agreement"), this Motor Vehicle Temporary Admission Document (TAD) allows the registered vehicle to operate cross-border transport along the corridors, routes and points of entry and exit designated in Protocol 1 of the GMS CBTA.

2. Nghiêm cấm tẩy xóa, bổ sung hoặc giả mạo bất kỳ điều khoản nào trong sổ này; các vi phạm như vậy sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;

It is prohibited to erase, add or falsify any terms specified in this TAD. Such offences shall be prosecuted.

3. Trong trường hợp đánh mất sổ này, người có tên trên sổ phải thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng gần nhất của Nước chủ nhà. Cơ quan cấp phép của Nước xuất phát gốc phải được thông báo kịp thời.;

In case of loss of this TAD, the holder shall immediately inform the nearest competent authorities of the Host country. The issuing authority of the Home country shall be notified in due course.

7

4. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This TAD shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed one month before the expiry date.

5. Phương tiện được cấp phép phải mang theo sổ này, để cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà kiểm tra và đóng dấu cho từng hoạt động vận tải qua biên giới. Sổ này phải được mang theo cùng phương tiện và xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền của các Bên tham gia Hiệp định GMS CBTA khi được yêu cầu.

The permitted vehicle shall carry this TAD, which is subject to inspection and stamping for each cross-border transport operation by the Host country Customs authorities. This TAD shall be carried in the vehicle and produced to the competent authorities of GMS CBTA Contracting Parties upon request.

6. Ngày tháng và các điểm xuất/nhập cảnh phải được ghi nhận trên các trang tiếp theo trang này, được cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà ký và đóng dấu, bao gồm cả thời gian gia hạn thành hoạt động vận tải qua biên giới, trong trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do hợp lý khác.
Dates and points of exit and entry shall be recorded on the pages that follow, signed and stamped by the Host country Customs authorities, including any extensions granted by these authorities to the 30-day time limit for completion of

8

the cross-border transport operation, caused by force majeure or other reasonable cause.

7. Trong trường hợp xảy ra vi phạm (Ví dụ: vi phạm pháp luật và quy định Hải quan của Nước chủ nhà, không có phản ứng kịp thời hoặc không chấm dứt sử dụng sổ này theo thời gian quy định), thì Chủ phương tiện/công ty có tên trong Phần 3 của sổ này sẽ chịu trách nhiệm thanh toán thuế, phí, tiền phạt và tiền lãi còn thiếu cho cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà.

In case of any irregularity (e.g., breach of Host country Customs laws and regulations, lack of response, or lack of timely discharge of the TAD) the Company/Vehicle Owner listed in Section 3 of the TAD shall be liable for payment of duties, taxes, fines, and interest owed to the Host country Customs authorities.

Sổ này gồm có 60 trang, không kể trang bìa
This Permit Contains 60 Pages Excluding the Cover

9

Hồ sơ hoạt động RECORD

Đến (ngày, nơi đến) Arrival (date, point of entry)	Đi (ngày, nơi đi) Departure (date, point of exit)

10

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

5. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp:

+ Giấy phép cho các loại phương tiện thương mại gồm: xe vận chuyển hành khách hợp đồng, xe vận tải hàng hóa.

+ Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

- Sở Xây dựng địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia theo Phụ lục của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ, cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

5.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu*

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu; bản dịch Hợp đồng ra tiếng Việt được chứng thực hoặc chứng nhận bởi cơ quan Công chứng đối với trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài).

** Trường hợp cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia bị hư hỏng, bị mất*

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại theo mẫu.

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

5.8. Phí, lệ phí: không có.

5.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;
- Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ
CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:....Ngày cấp:.....
5. Đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: ☐ b) Khách du lịch: ☐
 c) Hành khách theo hợp đồng: ☐ d) Vận tải hàng hóa: ☐

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày ... tháng ... năm ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO
VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:.....Ngày cấp:.....

5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
1									
2									
3									

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: ☐

b) Cá nhân: ☐

c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân: ☐

d) Mục đích khác: ☐

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness *** GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI COMMERCIAL VEHICLE	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary Mặt sau bìa trước/Back side
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness *** GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT Số giấy phép (Permit number)..... Ngày cấp (Date of issuance): Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....đến (until).....(dd/mm/yyyy) Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp) Page 1	Chi tiết về Đơn vị vận tải Details of Transport Operator/Organization 1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name)..... Địa chỉ (Address): Điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number): 2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):..... Địa chỉ (Address): Tel: Fax: Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle 1. Số đăng ký phương tiện (Registration number): 2. Thông số kỹ thuật (Specifications): - Năm sản xuất:..... (Manufacture year) - Nhãn hiệu (Brand/ Trademark): - Loại xe (Model):..... ☐Xe tải (Truck) ☐Xe khách (Bus) ☐Khác (Other) - Màu sơn (Colour): - Số máy (Engine number): - Số khung (Chassis No.):..... Page 2

GHI CHÚ NOTICES Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động Border gate, Operation areas/routes Cửa khẩu (Border gate): Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): Vận tải hàng hóa/hành khách, tuyến không cố định/cố định Cargo transport/passenger transport, non – scheduled/scheduled Ghi chú khác (Others): Page 3	GIA HẠN EXTENTION Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days) Gia hạn đến..... Extended until.....(dd/mm/yyyy) Ngày cấp Issuing date..... Cơ quan cấp (Issuing Authority) Ký tên, đóng dấu (Signature, Stamp) Page 4												
BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION													
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">HẢI QUAN (CUSTOMS)</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</th> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</th> </tr> <tr> <td style="height: 150px;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table>		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date				
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)											
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date										
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">HẢI QUAN (CUSTOMS)</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</th> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</th> </tr> <tr> <td style="height: 150px;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table>		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date				
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)											
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date										
Page 5													
Next Pages													
Hướng dẫn (Instruction)													
Ghi chú (notices)													

1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue. 2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This book shall be presented to the competent authorities upon request. 3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.	Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm. Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại. Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles. Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại. Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.
---	--

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness *** GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI NON COMMERCIAL VEHICLE Mặt bìa trước/ Cover	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary Mặt sau/Back side
 Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT PERMIT) Số giấy phép (Permit number)..... Ngày cấp (Issuing date): Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....đến (until).....(dd/mm/yyyy) Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp) Page 1	Chi tiết về tổ chức/cá nhân Details of Organization/Individual 1. Tên tổ chức/cá nhân (Organization/Individual Name)..... Địa chỉ (Address): Điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number): 2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):..... Địa chỉ (Address): Tel: Fax: Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle 1. Số đăng ký phương tiện (Registration number): 2. Thông số kỹ thuật (Specifications):..... - Năm sản xuất (Manufacture year):..... - Nhãn hiệu (Brand/ Trademark): - Loại xe (Model):..... ☐Xe tải (Truck) ☐Xe khách (Bus) ☐Khác (Other) - Màu sơn (Colour): - Số máy (Engine number): - Số khung (Chassis No.):..... Page 2

GHI CHÚ NOTICES Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động Border gate, Operation areas/routes Cửa khẩu (Border gate): Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): Các ghi chú khác (other notices):..... Page 3	GIA HẠN EXTENTION Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days) Gia hạn đến..... Extended until.....(dd/mm/yyyy) Ngày cấp Issuing date..... Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp) Page 4																								
BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">HẢI QUAN (CUSTOMS)</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</th> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</th> </tr> <tr> <td style="height: 200px;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table> Page 5	HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date					BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GARDS <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">HẢI QUAN (CUSTOMS)</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</th> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</th> </tr> <tr> <td style="height: 200px;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table> Next Pages	HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date				
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)																							
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date																						
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)																							
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date																						

Hướng dẫn (Instruction)	Ghi chú (notices)
1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue. 2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This book shall be presented to the competent authorities upon request. 3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn. This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended before the expiry date.	Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm. Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại. Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles. Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại. Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.

Mẫu phù hiệu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

No.....
VIET NAM CLV- CBT BOARD
(Company): (Competent Authorities)

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng.

Ký hiệu phân biệt quốc gia



Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

6. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp: Giấy phép vận tải loại E; Giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm (năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12).

- Sở Xây dựng các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (Tuyên Quang kể từ ngày 01/7/2025), Lào Cai, Lai Châu cấp: Giấy phép vận tải loại A, B, C; Giấy phép vận tải loại F, G lần thứ hai trong năm.

b) Giải quyết TTHC:

** Đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại A, E; Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần đầu trong năm:*

- Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại E; Giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm hoặc 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại A; Giấy phép vận tải loại B, C lần đầu trong năm; cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định;

Sau khi cấp giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo danh sách phương tiện vận tải đã được cấp giấy phép đến Sở Xây dựng các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (Tuyên Quang kể từ ngày 01/7/2025), Lào Cai, Lai Châu.

** Đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm:*

- Người lái xe hoặc nhân viên của đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần đầu xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô

cho Sở Xây dựng các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (Tuyên Quang kể từ ngày 01/7/2025), Lào Cai, Lai Châu;

- Căn cứ vào danh sách phương tiện vận tải đã được cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần đầu, Sở Xây dựng các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (Tuyên Quang kể từ ngày 01/7/2025), Lào Cai, Lai Châu thực hiện cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm.

6.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Đối với trường hợp cấp lần đầu*

- Đối với phương tiện thương mại gồm:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).

- Đối với xe công vụ gồm:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu;

+ Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô;

+ Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc thư mời của đối tác phía Trung Quốc nêu rõ tuyến đường, cửa khẩu và thời gian mời (trường hợp bản gốc không có tiếng Việt hoặc tiếng Anh thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh);

+ Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc quyết định cử đi công tác của cấp có thẩm quyền.

** Đối với trường hợp cấp lần thứ hai trở đi:*

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (xuất trình).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại E; Giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm.
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại A; Giấy phép vận tải loại B, C lần đầu trong năm; cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G.

6.8. Phí, lệ phí: không có.

6.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc.
- Giấy phép vận tải loại A, B, C, E, F, G.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Giấy phép vận tải loại A, B, C, E, F, G được cấp cho phương tiện của các đơn vị kinh doanh vận tải và xe công vụ của Việt Nam.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với phương tiện thương mại)

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP
VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax/Địa chỉ Email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số.....Ngày cấp.....
5. Đơn vị xin cấp phép cho phương tiện theo danh sách dưới đây:
(Nếu có nhiều phương tiện thì lập bảng kê kèm theo đơn)

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời hạn đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (định kỳ, không định kỳ, vận tải hàng hóa)	Tuyến hoạt động	Điểm dừng nghỉ trên đường
1								
2								
3								
4								

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên: Điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....

- Lưu:...

..., ngày... tháng... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với xe công vụ)

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Kính gửi:

1. Tên cơ quan, đơn vị:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Số Fax/Địa chỉ email:
4. Mục đích xin cấp phép cho phương tiện:
5. Đơn vị xin cấp phép cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập	Tuyến đường
1							
2							
3							
...							

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên:Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

..., ngày...tháng...năm ...

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

Mẫu Giấy phép vận tải loại A
Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ A in chìm màu hồng.

VN

Năm

年

CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
 越南社会主义共和国交通运输部
 行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
 中华人民共和国交通运输部
 行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI A

CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ
 TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC
 CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

A 种行车许可证

用于两国边境地区定期旅客运输车辆，当年多次往返有效。

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址	
2. Biển số xe 汽车牌照号	
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限	Từ Đến 自 至
4. Tuyến vận chuyển: bến đi và bến đến 运输线路 (起讫站)	
Bến xe đi 始发站	Bến xe đến 抵达站
5. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行程路线及沿途停靠站点	
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại B
Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ B in chìm màu lam nhạt.

VN	Năm 年	CHN	
Số (编号):			
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	
GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI B 用于两国边境地区的不定期旅客运输和公务车辆，当往返 1 次有效 B 种行车许可证			
1. Tên doanh nghiệp vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运者或公务用车所属单位名称			
2. Biển số xe 汽车牌照			
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限 从 至			
4. Số hành khách 旅客人数			
5. Tuyến vận chuyển 运输线路 Từ 至 自 至			
6. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行车路线及沿途停靠站			
7. Mục đích của chuyến đi 此行目的 ☐ Thương mại ☐ Công vụ ☐ 贸易 ☐ 公务			
8. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关 Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期			
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
11. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại C
Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ C in chìm màu vàng nhạt.

VN

Năm:

年

CHN

Số 编号:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
 越南社会主义共和国交通运输部
 行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
 中华人民共和国交通运输部
 行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI C
CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA
TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

C 种行车许可证

用于两国边境地区的货物运输车辆，当年1次往返有效。

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址			
2. Biển số xe 汽车牌照号			
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限		Từ đến 自 至	
4. Tải trọng phương tiện vận chuyển 运输工具载重吨位			
5. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ đến 自 至	
6. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点			
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại E

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ E in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN

Năm:

年

CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải

越南社会主义共和国交通运输部

行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN

TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải

中华人民共和国交通运输部

行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI E

CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH (BAO GỒM CẢ KHẨU DU LỊCH) ĐỊNH KỲ
HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN VÀO SAU TRONG LÃNH THỔ HAI NƯỚC

CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

E 种行车许可证

用于两国超出边境地区的定期旅客(含游客)运输车辆

当年多次往返有效

1. Tên doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码		Số ghế 座位数	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ Đến Bến xe đi Bến xe đến 始发站 抵达站	
4. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ 行车路线及沿途停靠站点			
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至	
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại F

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ F in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN

Năm: 年

CHN

Số 编号:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HÒA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI F
CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ANH KHÁCH KHÔNG ĐỊNH KỲ GỒM CÁC KHÁCH DU LỊCH VÀ XE
CÔNG VỤ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN VÀO/SAU TRONG LÃNH THỔ CỦA HAI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC MỖI LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

F 种行车许可证

用于两国~~越出边境地区~~的不定期旅客（含游客）运输和公务车辆，当年1次往返有效。

1. Tên doanh nghiệp vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运企业或公务车辆所属单位名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输工具			
Biển số xe 车牌号码		Số ghế 座位数	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ Đến 自 至	
4. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行车路线及沿途停靠站			
5. Mục đích của chuyến đi 此行目的		☐ Thương mại ☐ Công vụ ☐ 贸易 ☐ 公务	
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại G

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ G in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN	Năm: 年	CHN																																																					
Số (编号):																																																							
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章																																																					
GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI G CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HẠNG I HOẠT ĐỘNG TRÊN CẠM TIỀN VÀO SÁT TRONG LÃNH THỔ CỦA NƯỚC CÓ HẠN LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM G 种行车许可证 用于两国超出边境地区的货物运输车辆 当年1次往返有效																																																							
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td colspan="4">1. Tên Doanh nghiệp vận tải 承运企业名称</td> </tr> <tr> <td colspan="4">Địa chỉ 地址</td> </tr> <tr> <td colspan="4">Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人</td> </tr> <tr> <td colspan="4">2. Phương tiện vận tải 运输车辆</td> </tr> <tr> <td>Biển số xe 车牌号码</td> <td></td> <td>Trong tải 载重量</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Số khung 车架号码</td> <td></td> <td>Số máy 发动机号码</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Màu sơn 颜色</td> <td></td> <td>Nhãn hiệu 品牌</td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="2">3. Tuyến vận chuyển 运输线路:</td> <td colspan="2">Từ Đến</td> </tr> <tr> <td colspan="4">4. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点</td> </tr> <tr> <td colspan="2">5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期</td> <td colspan="2">Từ Đến</td> </tr> <tr> <td colspan="2">6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章</td> <td colspan="2">7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期</td> </tr> <tr> <td colspan="2">8. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章</td> <td>Xuất cảnh 出境</td> <td>Nhập cảnh 入境</td> </tr> <tr> <td colspan="2">9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章</td> <td>Nhập cảnh 入境</td> <td>Xuất cảnh 出境</td> </tr> </table>				1. Tên Doanh nghiệp vận tải 承运企业名称				Địa chỉ 地址				Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人				2. Phương tiện vận tải 运输车辆				Biển số xe 车牌号码		Trong tải 载重量		Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码		Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌		3. Tuyến vận chuyển 运输线路:		Từ Đến		4. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点				5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến		6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期		8. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境	9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境
1. Tên Doanh nghiệp vận tải 承运企业名称																																																							
Địa chỉ 地址																																																							
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人																																																							
2. Phương tiện vận tải 运输车辆																																																							
Biển số xe 车牌号码		Trong tải 载重量																																																					
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码																																																					
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌																																																					
3. Tuyến vận chuyển 运输线路:		Từ Đến																																																					
4. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点																																																							
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến																																																					
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期																																																					
8. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境																																																				
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境																																																				

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

7. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Sở Xây dựng các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước;
- Sở Xây dựng các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước thuộc địa phận quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Sau khi nhận và kiểm tra hồ sơ, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan quản lý tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan quản lý tuyến thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan quản lý tuyến có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước. Trường hợp không cấp, cơ quan quản lý tuyến thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan quản lý tuyến có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước thuộc địa phận quản lý. Trường hợp không cấp, cơ quan quản lý tuyến thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan quản lý tuyến hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

7.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu;
- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao

hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước thuộc địa phận quản lý.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị kinh doanh vận tải.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

7.8. Phí, lệ phí: không có.

7.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

- Văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải có đủ điều kiện theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**Mẫu Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải
hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc**

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...

....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ/THAY THẾ/BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN KHAI
THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG
QUỐC**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:ngày.../.../.....
5. Đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc như sau:

Tỉnh/thành phố đi:Tỉnh/thành phố đến:

Bến đi:Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km

Hành trình chạy xe:

Điểm dừng đỗ trên đường:

6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:..... km.

Lộ trình:.....

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến trong..... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ

+.....

b) Tại bến lượt về: bến xe:.....

Hàng ngày có..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ

+.....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe ... giờ.

d) Tốc độ lưu hành:..... km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:..... phút.

3. Các trạm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe:..... đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất.....

- Điểm dừng thứ hai.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

b) Lượt về từ Bến xe:..... đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất.....

- Điểm dừng thứ hai.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ..... đến..... phút/điểm

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có giấy phép lái xe phù hợp với xe điều khiển
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- Có đủ điều kiện về sức khỏe
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

.....

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:.....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:.....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:..... đồng/hành khách
- Giá vé chặng (nếu có):..... đồng/hành khách

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang Web).

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Thông báo khai thác hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung phương tiện hoạt động
tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc**
CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../.....

....., ngày... tháng ... năm...

THÔNG BÁO

**KHAI THÁC HOẠT ĐỘNG TUYẾN/THAY THẾ/BỔ SUNG
PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Tuyến:..... đi..... và ngược lại
Giữa Bến xe..... và Bến xe

Kính gửi:

Sở Xây dựng nhận được công văn số/..... ngàycủa..... về việc đăng ký khai thác hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung phương tiện hoạt động vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

Thực hiện Điều Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, Sở Xây dựng..... thông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung phương tiện hoạt động tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe.....

Bến đến: Bến xe.....

Số xe tham gia khai thác:..... (dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến)

Số xe bổ sung khai thác tuyến:..... (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến)

Số xe thay thế:..... Thay thế cho xe..... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến)

Số xe ngừng hoạt động trên tuyến:..... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến)

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày ký văn bản này..... phải đưa phương tiện vào khai thác. Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực (đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện).

..... (Đơn vị kinh doanh vận tải) ký hợp đồng khai thác với bến xe cho phương tiện đã được Sở Xây dựng..... chấp thuận và tổ chức hoạt động vận tải

hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành (đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện).

Nơi nhận:

-
-

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

8. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

8.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;
- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải, phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo Mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

8.8. Phí, lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị đăng ký/bổ sung/thay thế khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.
- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải có đủ điều kiện theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.
- Tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào phải xuất phát và kết thúc trên lãnh thổ Việt Nam, tại bến xe khách từ loại 01 đến loại 04 hoặc bến xe loại 05 thuộc địa bàn huyện nghèo theo quy định của Chính phủ.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**Mẫu Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế khai thác tuyến vận tải hành khách cố định
giữa Việt Nam và Lào**

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng...năm...

**GIẤY ĐĂNG KÝ/BỔ SUNG/THAY THẾ
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào số: ... ngày cấp:
5. Đăng ký/bổ sung/thay thế khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào như sau:

Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:

Bến đi: Bến đến (Nơi đón trả khách):

Cự ly vận chuyển:km

Hành trình chạy xe: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

6. Danh sách phương tiện:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu (sử dụng) xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

(Đối với phương tiện thay thế ghi rõ phương tiện biển số thay thế phương tiện biển số)

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo: Đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung phương tiện).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào.

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến: đi và ngược lại.
Bến đi:
Bến đến:
Cự ly vận chuyển:km.
Hành trình:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến
.....

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc giờ

+ Chuyến 2 xuất bến lúc giờ

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc giờ

+ Chuyến 2 xuất bến lúc giờ

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lý hành:km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất

.....

- Điểm dừng thứ hai

.....

- Điểm dừng thứ ba:

.....

b) Lượt về từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất

- Điểm dừng thứ hai

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

.....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

.....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /SXD-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
Tuyến: đi và ngược lại
Giữa: Bến xe và Bến xe

Kính gửi:

Sở Xây dựngnhận được công văn số..... ngày ... tháng năm... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Thực hiện Điều Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày/...../2025 của Chính phủ, Sở Xây dựngthông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đivà ngược lại.

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số lượng phương tiện tham gia khai thác:

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Xây dựng Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

-

-

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu: Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../SXD-.....

....., ngày... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi:

Sở Xây dựngnhận được công văn số ngày ... tháng năm... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Sở Xây dựngthông báo như sau:

Thông báo cho phép được bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số xe bổ sung khai thác tuyến: (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến)

Số xe thay thế: **Thay thế cho xe** (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến)

Số xe ngừng hoạt động trên tuyến: (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến)

Thời hạn triển khai hoạt động vận tải hành khách trên tuyến cho xe được bổ sung/thay thế: 30 ngày kể từ ngày ký văn bản, trong thời hạn này đơn vị kinh doanh vận tải phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở xây dựng Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

Yêu cầu tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

9. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia. Trường hợp không cấp, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

9.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia theo Mẫu;
- Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

9.8. Phí, lệ phí: không có.

9.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.
- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia được cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải của Việt Nam.
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng, bị mất.

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ
QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:.....Ngày cấp:

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô, vận tải hành khách bằng xe taxi; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....
.....
.....
.....
.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....
.....

..., ngày ... tháng ... năm ...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.

- Tuyển khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN
 PEOPLE'S COMMITTEE OF ... PROVINCE
SỞ XÂY DỰNG
 DEPARTMENT OF CONSTRUCTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
 GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
 VIET NAM - CAMBODIA CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

Số Giấy phép (Permit Number):

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place,(dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

10. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp: Giấy phép cho các phương tiện thương mại; Giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương;
- Sở Xây dựng địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Campuchia cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép cho các phương tiện thương mại. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép cho các phương tiện phi thương mại. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

10.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp, cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu:*

- Đối với phương tiện thương mại:

- + Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- + Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).

- Đối với phương tiện phi thương mại gồm:

- + Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- + Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hợp đồng thuê phương tiện;
- + Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

** Trường hợp cấp lại khi bị hư hỏng, bị mất:*

Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với các phương tiện thương mại.
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với các phương tiện phi thương mại.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

10.8. Phí, lệ phí: không có.**10.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại.
- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Campuchia.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số ngày cấp

5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho các phương tiện vận tải sau:

[illegible]

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định:

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vân tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh: Campuchia)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:

.....

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
cho phương tiện phi thương mại**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

..., ngày ... tháng ... năm ...
Tổ chức/Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

**VIET NAM - CAMBODIA
VEHICLE CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of VietNam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles to operate
conveniently and to render the vehicle any assistance as
necessary

Mặt sau bìa trước/Back side

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

**VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE
CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT**

Số Giấy phép (Permit Number):
Không cho người khác sử dụng và không được chuyển nhượng
(Non transferable and non negotiable)

Xe kinh doanh vận tải
Commercial Vehicle

Trang 1
Page 1

Số đăng ký phương tiện (Registration number)
.....

Ký hiệu nhận biết (Distinguishing sign)
VN

Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải
Details of Transport Operator

Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):
.....
.....

Địa chỉ (Address):
.....

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):
.....
.....
.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và
Campuchia (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport
Permit No.):
Ngày phát hành (Issuing date):

Trang 2
Page 2

**GHI CHÚ
NOTICES**

Giấy phép này có giá trị.....ngày
This Permit is valid..... days

Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....

Nơi đến (Destination):

.....

Ngày cấp (Date of issuance):

Issuing Authority
(Signature, stamp)

Trang 3

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

**GHI CHÚ
NOTICES**

Giấy phép này được gia hạn
This Permit is extended

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....

Nơi đến (Destination):

.....

Ngày cấp (Date of issuance):

Issuing Authority
(Signature, stamp)

Trang 4

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal

Hướng dẫn (Instruction)

- Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 50 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm
 Page size: 105 mm x 150 mm
 Loại bìa màu xanh dùng để cấp cho xe tải
 Green cover used for truck
 Loại bìa màu vàng cấp cho xe buýt
 Yellow cover used for bus
 Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại
 Pink cover used for non-commercial vehicle

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**



**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM - CAMBODIA
VEHICLE CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles
to operate conveniently and to render the
vehicle any assistance as necessary**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**Phương tiện phi thương mại
Non - commercial vehicle**

**Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle**

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)

.....

2. Thông số kỹ thuật (Specifications)

.....

- Năm sản xuất (Manufacture year):

.....

- Nhân hiệu (Brand/Trademark):

.....

- Loại xe (Model):

.....

- Màu sơn (Colour):

.....

- Số máy (Engine No.):

.....

- Số khung (Chassis No.):

.....

- Trọng tải (Gross weight):

.....

Trang 1

Page 1

Chi tiết về Cơ quan được cấp giấy phép liên vận
Details of Organization granted transport permit

Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):

.....

Địa chỉ (Address):

.....

Điện thoại (Telephone number):

Số Fax (Fax number):

Mục đích chuyến đi (Purpose of the trip):

.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và
 Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet
 Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No. for
 Transport Operator):.....

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2

Page 2

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này có giá trị ngày
 This book is valid days

Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
 Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....

Nơi đến (Destination):

.....

Ngày cấp (Date of issue):

Cơ quan cấp phép
Issuing Authority
(Signature, stamp)

Trang 3

Page 3

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Trang tiếp theo

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS				HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Hướng dẫn (Instruction)

1. Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 10 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Hướng dẫn (Instruction)

1. Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 10 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy.
This permit shall be used for the specified vehicle only.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm
Page size: 105 mm x 150 mm

Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại
Pink cover used for non-commercial vehicle

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

Số/Number:

PHÙ HIỆU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
STICKER
VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT

Đơn vị kinh doanh vận tải/Transport Operator Name:
.....Cơ quan cấp/Issuing authority
(Ký tên, đóng dấu/Signature, Stamp)Số đăng ký/Registration Number:
.....

Thời hạn/Period of Validity: từ/from.....đến/until.....

Cửa khẩu vào/Entry point:

Cửa khẩu ra/Exit point:

Tuyến đường/Route:
.....

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ, khung viền màu đỏ.

Ký hiệu phân biệt quốc gia



Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

11. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sau khi nhận và kiểm tra hồ sơ, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia. Trường hợp không chấp thuận, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

11.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

11.8. Phí, lệ phí: không có.**11.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia.
- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải có đủ điều kiện theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km.

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc giờ

+ Chuyến 2 xuất bến lúc giờ

+.....

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúcgiờ

+ Chuyến 2 xuất bến lúcgiờ

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xegiờ.

d) Tốc độ lý hành:km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe: đến Bến xe:

.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:
- c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

.....
c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có):đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu. Thông báo khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: SXD-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
KHAI THÁC/BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Tuyến: đi và ngược lại
Giữa: Bến xe và Bến xe

Kính gửi:

Sở Xây dựng nhận được công văn số ngày ... thángnăm... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Thực hiện Điều ... Nghị định số..../2025/NĐ-CP ngày/...../2025 của Chính phủ, Sở Xây dựng thông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác tuyến/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số xe tham gia khai thác: (dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến)

Số xe bổ sung khai thác tuyến: (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến)

Số xe thay thế: **Thay thế cho xe**

..... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến)

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Xây dựng Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

12. Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông nộp hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;
- Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành kiểm tra hồ sơ, nếu đủ, đáp ứng yêu cầu thì có văn bản chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

12.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị (bản chính) chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo quy định;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực kê khai về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo thẩm tra an toàn giao thông;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực kê khai danh sách giảng viên, kèm bản kê khai về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp;
- Bản chính Bản dự thảo chương trình, tài liệu giảng dạy;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

12.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

12.8. Phí, lệ phí: Không có.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Văn bản đề nghị chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.
- Văn bản chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 35 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền).

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ 2024 và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ:

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

..... (ghi cơ quan đề nghị) đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp) chấp thuận (ghi lên cơ quan đề nghị) là cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ với các thông tin chính như sau:

1. Tên cơ sở kinh doanh đào tạo:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Mã số doanh nghiệp (nếu có):

2. Người đại diện hợp pháp: Chức vụ:

Số định danh cá nhân/CCCD:

Số hộ chiếu (đối với người nước ngoài): do cấp, ngày tháng năm

Xin gửi kèm theo công văn này các tài liệu:

- Kê khai về cơ sở vật chất và danh sách giảng viên (có kê khai cơ sở vật chất, số lượng và trình độ chuyên môn nghiệp, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp);

- Chương trình, tài liệu giảng dạy (dự thảo).

3. Đề nghị:

Nhận giấy Chấp thuận cơ sở đào tạo trực tiếp: ☐

Nhận giấy Giấy Chấp thuận cơ sở đào tạo trực tuyến: ☐

Nhận chứng chỉ qua hệ thống bưu chính: ☐

(Đơn vị lựa chọn và đánh dấu phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu văn bản chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

VĂN BẢN CHẤP THUẬN CƠ SỞ KINH DOANH ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức ... (ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đề nghị này);

Xét đề nghị của (tên cơ sở đào tạo) tại Công văn số ngày tháng năm về việc chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ cho

Theo đề nghị của (ghi đơn vị tham mưu).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Chấp thuận (ghi tên cơ sở được chấp thuận).

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

2. Người đại diện hợp pháp (của cơ sở đào tạo): Chức vụ:

Số định danh cá nhân (hoặc CCCD):

Số hộ chiếu (đối với người nước ngoài):, do cấp ngày tháng năm

Là Cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

3. Cơ sở đào tạo phải xuất trình văn bản chấp thuận và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Nơi nhận:

- Cơ sở đào tạo;
-
- Lưu: VT,

CƠ QUAN CHẤP THUẬN

(Ký tên, đóng dấu)

13. Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức có nhu cầu nộp hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;
- Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp chứng chỉ cho từng học viên. Trường hợp không cấp chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

13.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình cấp chứng chỉ (bản chính) theo quy định;
- Quyết định công nhận kết quả thi của học viên tham gia khóa đào tạo;
- 02 ảnh màu hoặc file ảnh điện tử định dạng JPG của mỗi học viên đề nghị cấp chứng chỉ (ảnh cỡ 4 cm x 6 cm), kiểu thẻ căn cước, chụp trong thời gian không quá 06 tháng).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

13.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

13.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

13.8. Phí, lệ phí: Không có.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ trình cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;
- Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Học viên phải bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Tờ trình cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH**Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ**

Kính gửi:(ghi cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ).

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;**Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;**Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng năm 20..... của ... (ghi tên cơ sở kinh doanh đào tạo) ... về việc công nhận kết quả thi thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;**... (ghi tên của cơ sở kinh doanh đào tạo) đề nghị (ghi cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ) cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ cho các học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ như sau:*

1. Báo cáo tóm tắt quá trình, kết quả đào tạo:

2. Danh sách đề nghị cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ cho học viên đã hoàn thành khóa học và có kết quả thi đạt yêu cầu kèm theo tờ trình này.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO*(Ký tên, đóng dấu)***Hướng dẫn:***(1) Ghi tên cơ quan cấp trên của cơ sở kinh doanh đào tạo đề nghị.**(2) Ghi tên cơ sở kinh doanh đào tạo đề nghị cấp chứng chỉ*

Mẫu chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

Mẫu số 15. Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ... SỞ XÂY DỰNG ...	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>
CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG ...	
Ảnh 4 x 6	Cấp cho: ... <i>(ghi đầy đủ họ và tên người được cấp)</i> Giới tính: ... Ngày tháng năm sinh: ..., Nơi sinh: ... Số định danh cá nhân/CCCD: ... Đã hoàn thành chương trình đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ do ... <i>(ghi tên cơ sở kinh doanh đào tạo)</i> tổ chức đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... Số: - Tổ chức tại: ... ngày ... tháng ... năm ... <i>(Cơ quan cấp chứng chỉ ký tên, đóng dấu)</i>
Chứng chỉ này có giá trị từ ngày cấp đến ngày ... tháng ... năm ...	
<i>Hình thức chứng chỉ:</i> 1. Khổ giấy A4, một mặt, có nền hoa văn trống đồng in chìm. 2. Số chứng chỉ bao gồm 02 nhóm số được phân chia bởi dấu “ - ”, cụ thể: - Nhóm 1: có 02 chữ số ghi 02 số cuối của năm cấp chứng chỉ; - Nhóm 2: có 09 chữ số ghi số thứ tự chứng chỉ.	

14. Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

14.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức có nhu cầu nộp hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;
- Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến cá nhân đề bổ sung, hoàn thiện;
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông. Trường hợp không cấp chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

14.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị (bản chính) cấp đổi chứng chỉ theo quy định;
- 02 ảnh màu hoặc file ảnh điện tử định dạng JPG của mỗi học viên đề nghị cấp chứng chỉ (ảnh cỡ 4 cm x 6 cm), kiểu thẻ căn cước, chụp trong thời gian không quá 06 tháng);
- Bản khai kinh nghiệm (bản chính) thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, thiết kế, thẩm định phê duyệt xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ (trong khoảng thời gian có hiệu lực của chứng chỉ xin cấp đổi); bản khai theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

14.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

14.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

14.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

14.8. Phí, lệ phí: Không có.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.
- Bản khai kinh nghiệm công tác.
- Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

14.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**Mẫu Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông
đường bộ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN
TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi:(ghi tên cơ quan đã cấp chứng chỉ)

Ảnh màu
4x6 cm
(kiểu thẻ
căn cước)

1. Tôi là: Quốc tịch (đối với người nước ngoài);
Ngày tháng năm sinh:;
Số định danh cá nhân/CCCD:;
Số hộ chiếu (đối với người nước ngoài): do cấp ngày tháng
.... năm;
Số điện thoại:; Email

2. Tôi đã tham gia khóa đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và đã
được (ghi tên cơ quan đã cấp chứng chỉ) cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao
thông đường bộ, trong đó có các thông tin sau:

- Số chứng chỉ:
- Cấp ngày tháng năm và có giá trị đến ngày tháng năm

3. Đề nghị cho tôi được đổi (hoặc cấp lại chứng chỉ)

Lý do:

(Trường hợp cấp đổi chứng chỉ thì ghi rõ lý do là chứng chỉ hết thời hạn sử dụng;
trường hợp cấp lại chứng chỉ thì ghi lý do là mất hoặc chứng chỉ bị hư hỏng)

4. Đề nghị cho tôi:

Nhận chứng chỉ trực tiếp: ☐

Nhận chứng chỉ trực tuyến: ☐

Nhận chứng chỉ qua hệ thống bưu chính: ☐

(Trường hợp cá nhân đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ
nhận).

Xin gửi kèm theo:

- 02 ảnh màu (hoặc file ảnh điện tử định dạng JPG đối với trường hợp nộp hồ sơ
trực tuyến qua cổng dịch vụ công). Ảnh kiểu thẻ căn cước cỡ 4cm x 6cm và được chụp
trong thời gian không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Bản khai kinh nghiệm thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, thiết
kế, thẩm định phê duyệt dự án xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông (hoặc điểm đến),

điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trong khoảng thời gian có hiệu lực của chứng chỉ xin cấp đổi (đối với trường hợp cấp đổi).

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu bản khai kinh nghiệm công tác (phục vụ cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC

Phục vụ việc cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Họ và tên:

2. Quá trình hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đường bộ (khai rõ thời gian, đơn vị công tác, công việc đã thực hiện);

STT	Thời gian	Đơn vị công tác	Nội dung công việc hoạt động (thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ; thiết kế, thẩm định phê duyệt xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông (hoặc điểm đến), điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ)

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản tự khai này.

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị
quản lý Thẩm tra viên**
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...
SỞ XÂY DỰNG ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG ...

Ảnh 4 x 6

Cấp cho: ... (ghi đầy đủ họ và tên người được cấp)

Giới tính: ...

Ngày tháng năm sinh: ..., Nơi sinh: ...

Số định danh cá nhân/CCCD: ...

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ do ... (ghi tên cơ sở kinh doanh đào tạo) tổ chức đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Số: -

Tổ chức tại:

Chứng chỉ này có giá trị từ
ngày cấp đến ngày ...
tháng ... năm ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

(Cơ quan cấp chứng chỉ ký tên, đóng dấu)

Hình thức chứng chỉ:

1. Khổ giấy A4, một mặt, có nền hoa văn trống đồng in chìm.
2. Số chứng chỉ bao gồm 02 nhóm số được phân chia bởi dấu “ - ”, cụ thể:
 - Nhóm 1: có 02 chữ số ghi 02 số cuối của năm cấp chứng chỉ;
 - Nhóm 2: có 09 chữ số ghi số thứ tự chứng chỉ.

15. Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;
- Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông. Trường hợp không cấp lại chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

15.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị (bản chính) cấp lại chứng chỉ theo quy định;
- Chứng chỉ cũ (trường hợp bị hư hỏng).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

15.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

15.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

15.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

15.8. Phí, lệ phí: Không có.**15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.
- Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

15.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**Mẫu Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông
đường bộ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN
TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi:(ghi tên cơ quan đã cấp chứng chỉ)

Ảnh màu
4x6 cm
(kiểu thẻ
căn cước)

1. Tôi là: Quốc tịch (đối với người nước ngoài);
Ngày tháng năm sinh:;
Số định danh cá nhân/CCCD:;
Số hộ chiếu (đối với người nước ngoài): do cấp ngày tháng
.... năm;
Số điện thoại:; Email

2. Tôi đã tham gia khóa đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và đã
được (ghi tên cơ quan đã cấp chứng chỉ) cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao
thông đường bộ, trong đó có các thông tin sau:

- Số chứng chỉ:
- Cấp ngày tháng năm và có giá trị đến ngày tháng năm

3. Đề nghị cho tôi được đổi (hoặc cấp lại chứng chỉ)

Lý do:

(Trường hợp cấp đổi chứng chỉ thì ghi rõ lý do là chứng chỉ hết thời hạn sử dụng;
trường hợp cấp lại chứng chỉ thì ghi lý do là mất hoặc chứng chỉ bị hư hỏng)

4. Đề nghị cho tôi:

Nhận chứng chỉ trực tiếp: ☐

Nhận chứng chỉ trực tuyến: ☐

Nhận chứng chỉ qua hệ thống bưu chính: ☐

(Trường hợp cá nhân đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ
nhận).

Xin gửi kèm theo:

- 02 ảnh màu (hoặc file ảnh điện tử định dạng JPG đối với trường hợp nộp hồ sơ
trực tuyến qua cổng dịch vụ công). Ảnh kiểu thẻ căn cước cỡ 4cm x 6cm và được chụp
trong thời gian không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Bản khai kinh nghiệm thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, thiết
kế, thẩm định phê duyệt dự án xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông (hoặc điểm đến),

điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trong khoảng thời gian có hiệu lực của chứng chỉ xin cấp đổi (đối với trường hợp cấp đổi).

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...
SỞ XÂY DỰNG ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ **THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ** **GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG ...**

Ảnh 4 x 6

Cấp cho: ... (ghi đầy đủ họ và tên người được cấp)

Giới tính: ...

Ngày tháng năm sinh: ..., Nơi sinh: ...

Số định danh cá nhân/CCCD: ...

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ do ... (ghi tên cơ sở kinh doanh đào tạo) tổ chức đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Số: -

Tổ chức tại:

Chứng chỉ này có giá trị từ
ngày cấp đến ngày ...
tháng ... năm ...

..., ngày ... tháng ... năm ...
(Cơ quan cấp chứng chỉ ký tên, đóng dấu)

Hình thức chứng chỉ:

1. Khổ giấy A4, một mặt, có nền hoa văn trống đồng in chìm.
2. Số chứng chỉ bao gồm 02 nhóm số được phân chia bởi dấu " - ", cụ thể:
 - Nhóm 1: có 02 chữ số ghi 02 số cuối của năm cấp chứng chỉ;
 - Nhóm 2: có 09 chữ số ghi số thứ tự chứng chỉ.

16. Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch

16.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ quan, tổ chức đề nghị đấu nối vào đường bộ nộp hồ sơ đề nghị đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với quốc lộ đang khai thác trên địa bàn (trừ trường hợp quốc lộ là đường cao tốc).

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;
- Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;
- Trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan thì sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành lấy ý kiến. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hoặc 7 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan (đối với trường hợp phải lấy ý kiến), Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành kiểm tra nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận nút giao đấu nối vào đường bộ. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

16.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị đấu nối vào đường bộ (bản chính) theo mẫu;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: chủ trương đầu tư nút giao đấu nối đường khác vào đường được đề nghị đấu nối, thiết kế nút giao đấu nối vào đường bộ (nếu có);
- Hồ sơ đầy đủ các nội dung để các cơ quan có ý kiến theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 5 Điều 29 của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp không phải lấy ý kiến: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định.
- Trường hợp phải lấy ý kiến:
 - + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ;
 - + Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền;
 - + Thời hạn có văn bản chấp thuận: 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan.

16.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

16.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan ký hợp đồng và người quản lý, sử dụng đường bộ đối với trường hợp quốc lộ đang khai thác trong thời hạn hợp đồng đối tác công tư, chuyển nhượng hoặc cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

16.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản chấp thuận vị trí nút giao đầu nối.

16.8. Phí, lệ phí: Không có.

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Văn bản đề nghị chấp thuận vị trí đầu nối.
- Văn bản chấp thuận vị trí nút giao đầu nối.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 29 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận vị trí đầu nối

...(ghi tên cơ quan đề
nghị...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

Tên địa phương, ngày ... tháng năm

Về việc đề nghị đầu nối vào
Km ... đường cao
tốc/đường..., địa phận (ghi
tỉnh, thành phố)

Kính gửi:(ghi cơ quan chấp thuận).

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

.... (Ghi tên cơ quan, tổ chức đề nghị) đề nghị được đầu nối vào vị trí Km tuyến đường để thực hiện (nêu rõ lý do để thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và/hoặc mục đích khác...).

Tài liệu kèm theo là một, một số hoặc toàn bộ các tài liệu (nếu có): Quyết định duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư nút giao đầu nối vào đường cao tốc/ đường..., thiết kế nút giao đầu nối vào đường cao tốc/ đường... và các tài liệu khác liên quan đến nút giao đầu nối.

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT.

(...2...)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu văn bản chấp thuận vị trí nút giao đầu nối

....(ghi tên cơ quan chấp
thuận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Tên địa phương, ngày tháng ... năm

Về việc đầu nối vào Km
đường ..., địa phận (ghi tỉnh,
thành phố)

Kính gửi:(ghi cơ quan, tổ chức có đề nghị).

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự; an toàn giao thông đường bộ;

Sau khi xem xét văn bản số ... , ngày của ... về đề nghị đầu nối vào Km ..., đường thuộc địa bàn tỉnh, huyện và hồ sơ kèm theo (ghi tên hồ sơ nếu có);

.... (ghi tên cơ quan có thẩm quyền) chấp thuận được đầu nối vào vị trí Km tuyến đường để ... (cơ quan, tổ chức đề nghị) thực hiện (nêu rõ lý do để thực hiện quy hoạch ..., kế hoạch phát triển giao thông, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và/hoặc mục đích khác...).

Các yêu cầu khác (nếu có) khi thực hiện đầu nối vào Km ..., tuyến đường

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT.

(....2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)